



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, _____ No _____

EXIT PERMIT: Y. _____ N. _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM hà - rai - Ung
Last Middle First
Current Address 54/30 khu 4 Thị trấn Trà Ôn tỉnh Cần Long (Vĩnh Long)
Date of Birth 2-3-1955 Place of Birth _____
Previous Occupation (before 1975) Hà và gia đình ở Việt Nam Công Hòa Dân Chủ Xã Hội từ năm 1975 đến nay
(Rank & Position) Sĩ Quan
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 02/18/82 To 02/07/85
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____
Address & Telephone _____
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
Name, Address & Telephone Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

4. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes ☐ No ☐

EXIT PERMIT: Y. ☐ N ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Uu-Van Uong
Last Middle First
Current Address 54/39 Khu 4 Chi Tran Tra On Linh-Cau Long (Ninh Long)
Date of Birth 2-2-1955 Place of Birth _____
Previous Occupation (before 1975) Heo Y Ta Quan Voi Viet Nam Cong Hoa Tim Nam 1972 Tim
(Rank & Position) Chu Kach
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1971 To 30-4-1975
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____
Address & Telephone _____
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
Name, Address & Telephone Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

4. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA):

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Luu Van Long
Last (Ten Ho) L Middle (Giua) V First (Ten goi) L
DATE, PLACE OF BIRTH : 8 2 1955
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : _____
(Tinh trang gia dinh)
ADDRESS IN VIETNAM : 54/39 Khu 4 Ph. Tron Trai An tinh Cuu Long (Vinh Long)
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Co No (Khong) _____

If Yes (Neu co) : From (Tu) : 18.2.1982 To (Den) : 27/2/1986

PLACE OF RE-EDUCATION : Trai Cao tao Binh gia tinh Cuu Long
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Y ta

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Hoc bang tai Viet Nam Co Hoc So quan 55/682822

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Y ta Huu Khu Satie Tinh Tron 942

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____

1971 Date (nam) : 20-4-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____

IV Number (So ho so) : _____

No (Khong) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING-(So nguoi di theo) : _____

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi den sau voi day du chi t:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : _____

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro) : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____

NAME & SIGNATURE : _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai của người diện đơn này) Long Tran

DATE : _____

10 22 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

DIFFERENT'S ADDRESS : (If different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Luu Van Tong
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 3 2 1955
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): co
 (Tinh-trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 54/39 Khu 4 Phai Tron, Gia An tinh Cui Long (Vinh Long)
 (Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) co No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 10-2-1982 To (Den): 27/2/1986

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Cải tạo Bình giá tỉnh Cui Long
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Y tá

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Hạ sĩ Quan Đội Việt Nam Cộng Hòa số quân 55/68283

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): gà tá Bình Khu Cảnh Sát Tỉnh Bình Giả
1979/1979 Date (nam): 30-4-1979

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING-(So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi den sau voi day du chi t:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Uông Quel

DATE: 12 24 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

1. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

DEFENDENT'S ADDRESS : (If different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại QL và CT PN

Số 15 CRT-86

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972



3	2	8	0	8	3	0	0	4	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 87/QĐ/UBT/86 ngày 06 tháng 02 năm 1986

của Ủy Ban nhân dân tỉnh Cửu Long.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **LUU VAN UONG**

Sinh năm 19 55

Các tên gọi khác **Hai Cao**

Nơi sinh **Tân Khánh, Sa Đéc.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **39/2, Khu 9, Thị trấn Trà Ôn, Cửu Long.**

Can tội **Hoạt động PCM**

Bị bắt ngày **18/02/1982**

Án phạt **TTCT 3 năm**

Theo quyết định, án văn **132/QĐ-UBT** ngày **18** tháng **02** năm **1983** của

Ủy Ban nhân dân tỉnh Cửu Long.

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **39/2, Khu 9, Thị trấn Trà Ôn, Cửu Long.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Xét qua quá trình học tập, cải tạo của Anh Uong có nghiêm chỉnh chấp hành nội qui, các qui định khác của nhà trại do ra. Trong lao động có tích cực Chưa biểu hiện gì xấu. Loại cải tạo khá.
(Tha về địa phương quản chế 12 tháng).

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường xã: **Thị trấn Trà Ôn.**

Trước ngày **27** tháng **02** năm **1986**

Lên tay _____
Của **12/02/86**
Danh bìa _____
Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lưu Văn Ưng

Ngày **2** tháng **2** năm **1986**

Giám thị

Võ Minh Chánh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại QL và CT PN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

15 CRT-86

3	2	8	0	8	3	0	0	4	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 87/QĐ/UBT/86 ngày 06 tháng 02 năm 1986

của Ủy Ban nhân dân tỉnh Cửu Long.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LƯU VĂN UỐNG

Sinh năm 1955

Các tên gọi khác Hai Cao

Nơi sinh Tân Khánh, Sa Đéc.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại trước khi bị bắt 39/2, Khu 9, Thị trấn Trê Ôn, Cửu Long.

Cán tội Hoạt động POM

Bị bắt ngày 18/02/1982

Án phạt TGT 3 năm

Theo quyết định, án văn 132/QĐ-UBT ngày 18 tháng 02 năm 1983 của

Ủy Ban nhân dân tỉnh Cửu Long.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 39/2, Khu 9, Thị trấn Trê Ôn, Cửu Long.

Nhận xét quá trình cải tạo

Xét qua quá trình học tập, cải tạo của Anh Uống có nghiêm chỉnh chấp hành nội qui, các qui định khác của nhà trại để ra. Trong lao động có tích cực Chưa biểu hiện gì xấu. Loại cải tạo khá.
(Tha về địa phương quản chế 12 tháng).

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường xã: Thị trấn Trê Ôn.

Trước ngày 27 tháng 02 năm 1986

Lần tạo dấu
Của Lưu Văn Uống
Danh bính
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lưu Văn Uống

Ngày 2 tháng 2 năm 1986

Giám thị

Võ Minh Châu

Hg. Kim-Van-Uong
54/89 Khu 4 Chet Thien Trai m
Paris Chet long

R 294



7870
BLV-CHET
80 801

Phu Khue Minh Chet

P.O. BOX 5725 ARLINGTON VA 22205-0625



BAO
HANOI

PAR AVION
PAR AVION

PAR AVION VIA AIR MAIL

U.S.A.